

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 15/2019/HNGĐ-ST

Ngày 30 tháng 5 năm 2019

V/v tranh chấp ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU

Tthành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Lam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà **Khuru Liên Dung**

2- Ông **Dư Thị Út**

Thư ký phiên tòa: Ông **Đặng Văn Kép** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Lý Thử Dung** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 131/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Thạch V – sinh năm 1984

Đăng ký HKTT: Số 64, Khóm M, Phường B, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu

Tạm trú: Khóm B, Phường M, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1983

Nơi cư trú cuối cùng tại: Số A16/192, Khóm M, Phường T, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (bà A đã mất tích).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Thạch V trình bày:

- Về hôn nhân: Ông V và bà Nguyễn Ngọc A tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 2008, đăng ký kết hôn vào ngày 12/3/2009 tại Ủy ban nhân dân

Phường B, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại số 64, khóm M, phường B, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, nhưng không có đăng ký hộ khẩu. Khi sinh con bà A về nhà mẹ ruột sống tại số A16/192, Khóm M, Phường T, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Khi sinh con được hơn một tháng bà A bỏ nhà đi đến nay, không rõ đang ở đâu. Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu đã tuyên bố bà A mất tích theo quyết định số 01/2019/QĐST-VDS ngày 28/02/2019. Ông V yêu cầu được ly hôn với bà A.

- Về con chung: Quá trình chung sống, có một con chung tên Thạch Quốc K, sinh ngày 29/3/2009. Con đang sống cùng ông V. Khi ly hôn, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K và không yêu cầu bà A cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bà Nguyễn Ngọc A đã mất tích nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Giải quyết đúng thẩm quyền, cấp, tổng đạt các văn bản đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định, không thuộc trường hợp phải thay đổi ai. Vì vậy, về mặt thủ tục tố tụng, Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị.

- Về nội dung vụ án: Có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Thạch V đối với bà Nguyễn Ngọc A. Về con chung, có đủ cơ sở giao con chung cho ông V nuôi dưỡng, bà A không cấp dưỡng nuôi con do ông V không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn là ông Thạch V khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Ngọc A nên đây là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn bà Nguyễn Ngọc A có nơi cư trú cuối cùng tại số A16/192, Khóm M, Phường T, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

[2] Xét thấy ông Thạch V có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt ông V theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân:

Ông Thạch V và bà Nguyễn Ngọc A tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 2008, đăng ký kết hôn vào ngày 12/3/2009 tại Ủy ban nhân dân Phường B, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, cho nên hôn nhân giữa ông V và bà A là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, ông V và bà A sống tại số 64, khóm M, phường B, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, nhưng không có đăng ký hộ khẩu. Khi sinh con bà A về nhà mẹ ruột sống tại số A16/192, Khóm M, Phường 8, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Khi sinh con được hơn một tháng bà A bỏ nhà đi đến nay, không rõ đang ở đâu. Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu đã tuyên bố bà A mất tích theo quyết định số 01/2019/QĐST-VDS ngày 28/02/2019.

Cho nên, theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viên kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Thạch V đối với bà Nguyễn Ngọc A.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, có một con chung tên Thạch Quốc K, sinh ngày 29/3/2009. Hiện nay cháu K đang sống cùng với ông V. Ông V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K sau khi ly hôn và không yêu cầu bà A cấp dưỡng cho cháu K.

Cháu K hiện đang sống chung với ông V, bà A đã mất tích.

Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở giao con chung là cháu Thạch Quốc K cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng, hiện cháu K đang sống cùng ông V, cho nên ông V được tiếp tục nuôi dưỡng cháu.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ông V không yêu cầu bà A cấp dưỡng nuôi con, cho nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Tài sản chung và nợ chung: Ông Thạch V xác định không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Ông Thạch V có yêu cầu ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Thạch V đối với bà Nguyễn Ngọc A. Ông Thạch V được ly hôn với bà Nguyễn Ngọc A.

2. Về con chung: Giao con chung tên Thạch Quốc K, sinh ngày 29/3/2009 cho ông Thạch V trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Hiện nay cháu K đang sống cùng ông V, nên ông V được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ông Thạch V không yêu cầu bà Nguyễn Ngọc A cấp dưỡng cho con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Bà Nguyễn Ngọc A được quyền thăm nom con chung là Thạch Quốc K, không ai được phép ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về án phí: Ông Thạch V phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Ông V đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000470 ngày 03/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu được chuyển thu toàn bộ án phí.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Bạc Liêu
- VKSND thành Tp Bạc Liêu
- CCTHADS Tp Bạc Liêu
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hồng Lam